

# Chính sách giáo dục hòa nhập tại Việt Nam

Phạm Lê Cường<sup>1</sup>, Nguyễn Văn Hưng<sup>\*2</sup>

<sup>1</sup> Email: lecuong@vinhuni.edu.vn  
Trường Đại học Vinh  
182 Lê Duẩn, thành phố Vinh,  
tỉnh Nghệ An, Việt Nam

\* Tác giả liên hệ

<sup>2</sup> Email: hungnv@vnies.edu.vn  
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam  
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,  
Hà Nội, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Giáo dục hòa nhập đã được đưa thành các Mục tiêu phát triển bền vững tại Hội nghị thượng đỉnh phát triển bền vững của Liên Hợp quốc. Người khuyết tật có quyền được tiếp cận một nền giáo dục bình đẳng, có chất lượng và cơ hội học tập suốt đời. Ở Việt Nam, giáo dục hòa nhập không còn là khái niệm mới và nó cũng đã được chấp nhận như một sự phát triển tất yếu. Hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam đã được hình thành dựa trên các nguyên tắc chung của quốc tế có điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam. Bài viết phân tích tác động cũng như những khoảng cách giữa chính sách giáo dục hòa nhập với thực tiễn, từ đó đưa ra một số khuyến nghị đối với các cấp, ngành có liên quan nhằm tạo ra một môi trường chính sách thúc đẩy giáo dục hòa nhập.

**TỪ KHÓA:** Giáo dục cho mọi người, giáo dục hòa nhập, chính sách giáo dục hòa nhập.

→ Nhận bài 15/11/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 25/11/2023 → Duyệt đăng 08/12/2023.

**DOI:** <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12320401>

## 1. Đặt vấn đề

Trên thế giới có một sự dịch chuyển trong thực tiễn giáo dục hòa nhập và sự đồng thuận rộng rãi về các nguyên tắc giáo dục hòa nhập được nêu ra trong Tuyên bố Salamanca (UNESCO, 1994). Kể từ thời điểm đó, những nguyên tắc này đã được củng cố bởi nhiều công ước, tuyên bố và đề xuất ở cấp Châu Âu và toàn cầu, trong đó có Công ước Liên Hợp quốc về Quyền của Người khuyết tật (2006). Công ước này đã làm rõ tầm quan trọng của việc đảm bảo một hệ thống giáo dục hòa nhập. Tuyên bố thế giới về Giáo dục cho mọi người (Education for All-EFA) được thông qua ở Jomtien, Thái Lan năm 1990 đã đưa ra một cái nhìn tổng thể: Phổ cập tiếp cận giáo dục cho tất cả trẻ em, thanh thiếu niên và người lớn, thúc đẩy bình đẳng. Giáo dục hòa nhập là một quá trình tăng cường năng lực cho hệ thống giáo dục để tiếp cận với mọi người học và vì thế, giáo dục hòa nhập được coi là một chiến lược quan trọng để đạt được Giáo dục cho mọi người (EFA) [1]. Định hướng chính sách của UNESCO về giáo dục hòa nhập (2009) đã đưa ra các luận cứ để nỗ lực hướng tới việc thực thi giáo dục hòa nhập và giáo dục cho mọi người,

cụ thể như sau:

- *Luận cứ về giáo dục:* Trường hòa nhập phải phát triển những cách giảng dạy để đáp ứng với những khác biệt và có lợi cho tất cả trẻ em.

- *Luận cứ xã hội:* Trường hòa nhập có thể thay đổi thái độ đối với sự đa dạng và hình thành hình mẫu cho một xã hội không phân biệt đối xử.

- *Luận cứ kinh tế:* Trường học cho mọi người tiết kiệm chi phí hơn so với việc thành lập và duy trì những trường “đặc biệt” cho các nhóm trẻ khác nhau [2].

Trong nhiều thập kỉ qua, hàng loạt các văn bản pháp lí quốc tế như các công ước, các tuyên bố và các khuyến nghị đã ra đời, thiết lập các tiêu chuẩn làm nền tảng cơ sở cho việc phát triển các chính sách và phương pháp tiếp cận cho giáo dục hòa nhập. Chúng đề ra các yếu tố trung tâm cần phải giải quyết để đảm bảo Quyền đối với Tiếp cận giáo dục, Quyền đối với Chất lượng giáo dục và quyền được Tôn trọng trong môi trường giáo dục. Giáo dục hòa nhập được dựa trên những khung pháp lí thông qua các văn bản pháp lí quốc tế như các công ước, các khuyến nghị và tuyên bố quốc tế (xem Bảng 1) (UNESCO, 2009).

**Bảng 1: Các văn bản pháp lí quốc tế**

Năm ra đời	Tên của văn bản	Nội dung chính liên quan đến giáo dục hòa nhập.
2015	Mục tiêu phát triển bền vững	Mục tiêu 4: “Đảm bảo đảm bảo một nền giáo dục hòa nhập, bình đẳng, chất lượng và cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người”.
2007	Tuyên bố đa quốc gia về Quyền của các dân tộc bản địa	Công nhận quyền của các gia đình và cộng đồng bản xứ để duy trì trách nhiệm chia sẻ về giáo dục, đào tạo và phúc lợi xã hội cho con em của họ, phù hợp với các quyền của trẻ em; các dân tộc bản địa có quyền thành lập và kiểm soát ngôn ngữ riêng của họ theo một cách thức phù hợp với các phương pháp văn hoá đối với việc dạy và học.
2006	Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật	Giáo dục tiểu học hoặc trung học là miễn phí, bắt buộc và không có loại trừ đối với người khuyết tật. Đảm bảo một hệ thống giáo dục toàn diện ở mọi cấp học và đáp ứng học tập suốt đời.

Năm ra đời	Tên của văn bản	Nội dung chính liên quan đến giáo dục hòa nhập.
2005	Công ước về Bảo vệ và Thúc đẩy sự đa dạng trong biểu đạt văn hoá	Bình đẳng về phẩm giá và tôn trọng tất cả các văn hoá bao gồm cả các nền văn hoá của những người thuộc các ngôn ngữ thiểu số.
1999	Công ước về Nghiêm cấm và có hành động tức thì loại bỏ sự tمييز của các hình thức lao động trẻ em.	Tiếp cận với giáo dục cơ bản miễn phí để đào tạo nghề cho mọi trẻ em nhằm thoát khỏi các hình thức lao động trẻ em tồi tệ.
1994	Tuyên bố Salamanca	Khẳng định sự khác biệt của con người là bình thường và vì vậy việc học tập cần được điều chỉnh để phù hợp với nhu cầu của trẻ. Mỗi người khuyết tật có quyền bày tỏ mong muốn của họ về giáo dục ngay khi nhu cầu được xác định. Cha mẹ có quyền được tư vấn về các hình thức giáo dục phù hợp nhất với nhu cầu, hoàn cảnh và nguyện vọng của con cái họ.
1990	Công ước quốc tế về Bảo vệ quyền của các gia đình lao động nhập cư và các thành viên trong gia đình họ.	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc dạy tiếng mẹ đẻ cho trẻ em của các gia đình lao động nhập cư.
1989	Công ước về quyền trẻ em	Quyền miễn phí và tham gia giáo dục tiểu học bắt buộc mà không có bất kì sự phân biệt đối xử nào. Nhấn mạnh đến hạnh phúc và sự phát triển của trẻ em và các biện pháp hỗ trợ chăm sóc trẻ em.
1989	Công ước về các bộ lạc và người bản địa ở các nước độc lập	Quyền được giáo dục đó là đáp ứng với văn hoá và nhu cầu của người dân bản địa. Xóa bỏ định kiến, đảm bảo rằng sách giáo khoa và các tài liệu giáo dục đưa ra một sự công bằng, chính xác và thông tin đầy đủ về nền văn hoá của các dân tộc.
1979	Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ	Xóa bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ trong mọi lĩnh vực của giáo dục. Xóa bỏ các khái niệm cứng nhắc về vai trò của đàn ông và phụ nữ bằng việc khuyến khích đồng giáo dục, sửa đổi sách giáo khoa, các chương trình trong trường học và điều chỉnh các phương pháp dạy học.
1965	Công ước quốc tế về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc	Áp dụng các biện pháp, đặc biệt là trong dạy học, giáo dục, văn hoá và thông tin nhằm chống lại những định kiến dẫn đến phân biệt chủng tộc.
1960	Công ước chống lại sự phân biệt đối xử trong giáo dục	Đề cập đến quyền về tiếp cận giáo dục và quyền về chất lượng giáo dục.
1948	Tuyên bố thế giới về quyền con người	Mọi người có quyền về giáo dục. Giáo dục sẽ được miễn phí ít nhất là bậc tiểu học và các cấp học cơ bản. Giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc.

(Nguồn: UNESCO (2009) Policy Guidelines on Inclusive Education. Paris: UNESCO)

Giáo dục hòa nhập đã được đề cập trong chính sách giáo dục của mọi quốc gia trên toàn thế giới. Nhưng như thế không có nghĩa là sẽ cho sự đồng nhất toàn cầu trong phong trào tiến tới giáo dục hòa nhập. Có thể thấy được điều này qua một minh chứng về sự đa dạng trong lộ trình hòa nhập đó chính là việc có rất nhiều các định nghĩa về giáo dục hòa nhập [3], [4], [5]. Dyson (1999) cũng đã chỉ ra rằng, trong phong trào giáo dục hòa nhập trên toàn thế giới có rất nhiều hình thức hay cách thể hiện khác nhau. Giáo dục hòa nhập đã được sử dụng để mô tả bất cứ điều gì từ hội nhập vật lí của học sinh khuyết tật trong lớp học bình thường cho tới việc điều chỉnh của lớp học, giáo trình và phương pháp dạy học [6]. Ngày nay, khái niệm giáo dục hòa nhập được sử dụng với ý nghĩa rộng hơn có liên quan đến nhiều nhóm trẻ em và thanh thiếu niên bị loại trừ khỏi trường học và xã hội (UNESCO, 2009). Theo Kozleski, Artiles, Fletcher và Engelbrecht (2009), nguyên tắc cơ bản của

giáo dục hòa nhập và trường phổ thông hòa nhập là việc nuôi dưỡng, giáo dục tất cả các học sinh mà không phân biệt về khả năng, văn hoá, giới tính, ngôn ngữ, giai cấp và dân tộc [4], [5].

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Chính sách Giáo dục hòa nhập ở Việt Nam

Từ đầu những năm 1990, Chính phủ Việt Nam đã tiến hành xây dựng các chính sách nhằm đảm bảo trẻ khuyết tật được tiếp cận giáo dục. Vấn đề này đã được đề cập đến trong kế hoạch quốc gia “Giáo dục hòa nhập đến 2015” với mục tiêu cung cấp giáo dục hòa nhập cho tất cả trẻ khuyết tật vào năm 2015. Để biểu đạt về cam kết quốc tế và khu vực cũng như thực hiện mục tiêu giáo dục hòa nhập, Việt Nam đã xây dựng một khung pháp lí vững chắc ở nhiều cấp.

Ở phạm vi quốc tế, Việt Nam đã kí tham gia Công ước Liên Hiệp quốc về Quyền của Người khuyết tật

(UNCRPD) ngày 22 tháng 10 năm 2007 và thông qua Công ước này vào tháng 11 năm 2014; tham gia kí Công ước của Liên Hợp quốc về quyền trẻ em vào ngày 26 tháng 01 năm 1990 và phê chuẩn ngày 20 tháng 02 năm 1990 theo Quyết nghị số 241/NQ-HDDNN7 của Hội đồng Nhà nước ngày 20 tháng 02 năm 1990. Chính phủ Việt Nam cũng cam kết triển khai Khung hành động Thiên niên kỉ Biwako hướng tới một xã hội hòa nhập, không rào cản, vì quyền của người khuyết tật tại Châu Á - Thái Bình Dương, giai đoạn 2003 - 2012, đưa ra các khuyến nghị về chính sách cho Chính phủ và các bên liên quan tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương về việc giải quyết các vấn đề và xây dựng kế hoạch hành động vì một xã hội hòa nhập [7], [8], [9], [10].

Đảm bảo quyền bình đẳng và cơ hội tiếp cận giáo dục cho trẻ khuyết tật được thể hiện trong nhiều văn bản pháp lí của Việt Nam như: Hiến pháp đầu tiên của Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm 1946; các Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992 đều quy định việc đảm bảo các quyền công dân, nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử, ngược đãi. Bên cạnh đó, các Bộ Luật và Luật có các quy định riêng theo từng chương, mục hoặc một số điều dành riêng cho người khuyết tật về các chế độ chính sách, giải pháp trợ giúp và chăm sóc. Việt Nam cũng có một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đề cập đến quyền của trẻ khuyết tật và việc tiếp cận giáo dục (xem Bảng 2) [2].

**Bảng 2: Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam**

Tên Văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
Thông tư số 20	28/12/2022	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.
Luật Giáo dục	2019	Quốc hội	Nêu rõ giáo dục cơ sở cho mọi công dân (từ tiểu học lên trung học cơ sở) và ưu tiên phân bổ nguồn lực (như giáo viên, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và ngân sách) cho các trường, lớp dạy học sinh khuyết tật.
Thông tư số 01	02/01/2019	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Quy định về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.
Thông tư số 03	29/01/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.
Thông tư số 16	12/07/2017	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập. Trong đó quy định nhóm vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ là “hỗ trợ giáo dục người khuyết tật”.
Luật Trẻ em	2016	Quốc hội	Quy định các quyền của trẻ em về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục.
Thông tư số liên tịch số 19	22/06/2016	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ	Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập.
UNCRPD	23/11/2014	Quốc hội thông qua	Việc thông qua Công ước Liên Hợp quốc về Quyền của Người khuyết tật (UNCRPD) chứng tỏ cam kết của Chính phủ Việt Nam trong việc bảo vệ quyền của người khuyết tật ở mọi lứa tuổi.
Thông tư Liên tịch số 42	31/12/2013	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Ban hành hướng dẫn về việc nhập học, tuyển sinh, miễn giảm học phí và một phần nội dung chương trình và cho phép các trường yêu cầu nguồn kinh phí để hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật.
Quyết định số 136, 13 và 67	2013, 2010, 2007	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Trẻ khuyết tật nặng có giấy xác nhận của y tế sẽ được nhận trợ cấp. Quy định, mức trợ cấp hàng tháng và cấp thẻ bảo hiểm y tế.
Thông tư Liên tịch số 58	28/12/2012	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Quy định điều kiện và thủ tục thành lập, hoạt động, đình chỉ hoạt động, tổ chức lại và giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.
Thông tư số 50	12/12/2012	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sửa đổi bổ sung quy định về việc nâng độ tuổi học lớp 1 cho trẻ khuyết tật từ 6 lên 14 tuổi.
Thông tư liên tịch số 34	28/12/2012	Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Quy định hoạt động của Hội đồng giám định Y khoa để kiểm tra mức độ khuyết tật.
Nghị định số 28	10/04/2012	Chính phủ	Hướng dẫn thi hành Luật Người khuyết tật-
Luật Người Khuyết tật	2010	Quốc hội	Đảm bảo chăm sóc và phúc lợi cho người khuyết tật và đảm bảo quyền bình đẳng và cơ hội giáo dục đầy đủ cho mọi công dân.

Tên Văn bản	Ngày ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung
Quyết định số 49	2007	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Ban hành chương trình Bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phụ trách mảng giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở.
Quyết định số 9	2007	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quy định tất cả giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục hòa nhập phải có những kĩ năng cần thiết để cung cấp giáo dục hòa nhập.
Quyết định số 23	2006	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Về giáo dục hòa nhập dành cho người khuyết tật; tuyên bố người khuyết tật được tiếp cận giáo dục phổ thông trên cơ sở bình đẳng như những người khác để hòa nhập tốt hơn với cộng đồng.
Điều 50 trong Hiến pháp Việt Nam	1992	Quốc hội	Đảm bảo các quyền về chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội cho tất cả công dân Việt Nam. Nhà nước đảm bảo hỗ trợ cho người khuyết tật, người già và trẻ mồ côi.
Luật Phổ cập Giáo dục tiểu học	1991	Quốc hội	Quy định giáo dục tiểu học từ lớp 1-6 là hình thức bắt buộc với mọi trẻ em trong độ tuổi từ 6-14.
Công ước Liên Hiệp quốc về Quyền trẻ em (UNCRC)	1990	Quốc hội	Cam kết của Chính phủ trong việc đảm bảo các quyền cơ bản của trẻ em bao gồm: quyền sống, quyền được phát triển tiềm năng; quyền được bảo vệ khỏi ảnh hưởng xấu, không bị lạm dụng, bóc lột và quyền được tham gia đầy đủ vào cuộc sống gia đình, văn hoá, xã hội.

(Nguồn: UNICEF 2015, Sự sẵn sàng cho giáo dục trẻ khuyết tật, nghiên cứu tại 8 tỉnh)

## 2.2. Đánh giá từ thực tế triển khai chính sách giáo dục hòa nhập ở Việt Nam

### 2.2.1. Về tác động của chính sách

Các chính sách và pháp luật để hỗ trợ người khuyết tật ban hành ở cấp quốc gia đã được áp dụng và triển khai trên toàn quốc. Tuy nhiên, tùy thuộc vào các nguồn lực địa phương, việc thi hành và thực hiện chính sách đa dạng và mức độ của dịch vụ trợ giúp người khuyết tật là khác nhau. Kết quả khảo sát hệ thống dịch vụ trợ giúp người khuyết tật Việt Nam do VNAH thực hiện với sự hỗ trợ của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo [11] cho thấy:

- Có sự đa dạng hóa các phương pháp và các loại dịch vụ của các cơ sở giáo dục cho người khuyết tật, bao gồm giáo dục chuyên biệt, giáo dục bán hòa nhập và giáo dục hòa nhập, ở cả cơ sở giáo dục công lập và cơ sở giáo dục tư thục.

- Một xu hướng cần chú ý là một số lượng lớn các cơ sở giáo dục hòa nhập là có sẵn, dựa trên hệ thống giáo dục hiện tại ở địa phương. Tổng số cơ sở giáo dục công lập thực hiện giáo dục hòa nhập ở 4 tỉnh báo cáo là 140 ở cấp tỉnh, cấp huyện là 1820 và 1236 ở cấp xã. Trong khi đó, tổng số cơ sở giáo dục chuyên biệt đã được báo cáo của 10 tỉnh là 11 cấp tỉnh, 33 huyện và 0 ở cấp xã.

- Trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập đã được thành lập và hoạt động tại nhiều tỉnh. Trong 6 tỉnh gửi báo cáo đã có 7 trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập ở cấp tỉnh. Điều đó có nghĩa là có một tỉnh có hơn 1 trung tâm.

- Là kết quả của các chính sách và pháp luật ban hành để hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, đã có nhiều người khuyết tật nhận được các dịch vụ giáo dục. Tỷ lệ người

khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập là cao hơn 3 lần so với những người tham gia giáo dục chuyên biệt. Tuy nhiên, có một sự khác biệt đáng kể giữa các địa phương về giáo dục người khuyết tật. Trong năm học 2011 - 2012, đã có 20.875 người khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập tại 16 tỉnh, trung bình mỗi tỉnh có 1.305 người khuyết tật học hòa nhập, trong khi đó có 5.141 người khuyết tật tham gia giáo dục chuyên biệt ở 12 tỉnh có báo cáo. Như vậy, trung bình mỗi tỉnh có 428 người khuyết tật và độ lệch chuẩn là 858.

- Hầu hết các tỉnh báo cáo có các dự án hoặc chương trình hỗ trợ giáo dục hòa nhập cộng đồng với tỉ lệ lên đến 80%.

- Các dữ liệu thu thập từ 41 tỉnh (trong số 63 tỉnh thành) cho thấy, ở cấp tỉnh, có 7 Trung tâm Hỗ trợ Giáo dục hòa nhập (trung tâm nguồn), 11 trường chuyên biệt, 140 trường hòa nhập. Ở cấp huyện, đã có 177 trường bán hòa nhập, 1820 trường hòa nhập và 33 trường chuyên biệt. Ở cấp xã đã có 205 trường bán hòa nhập, 1.236 trường hòa nhập nhưng không có trường chuyên biệt.

- Đào tạo và phát triển chuyên môn cho cán bộ và giáo viên trong hệ thống Giáo dục và Đào tạo ở Việt Nam tương đối tốt. Trên 70% giáo viên phản hồi rằng, họ được tập huấn về cách dạy trẻ em khuyết tật. Trong khi tổng số giáo viên có bằng cấp về giáo dục chuyên biệt tương đối thấp, phần lớn trong số họ đều được hướng dẫn ít nhất một lần kĩ năng dạy hòa nhập cho trẻ khuyết tật và họ đều mong muốn được đào tạo thêm kĩ năng dạy hiệu quả cho trẻ khuyết tật. nỗ lực đào tạo giáo viên dạy hòa nhập cho trẻ khuyết tật cần được tiếp tục nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả các chính sách và chương trình giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật.



### 2.2.2. Về khoảng trống giữa chính sách và thực tiễn

Kết quả khảo sát hệ thống dịch vụ trợ giúp người khuyết tật Việt Nam do VNAH thực hiện với sự hợp tác của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo [11] cho thấy:

- Không có nhiều người ở cấp cơ sở hiểu đầy đủ về khung pháp lý này. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi chính sách. Người khuyết tật và gia đình họ cũng như các cán bộ cơ quan Nhà nước có hiểu biết rất hạn chế về các chính sách liên quan đến họ. Cụ thể, chỉ có 40% cán bộ giáo dục hiểu biết đầy đủ về các chính sách giáo dục, 20% cán bộ giáo dục có hiểu biết đầy đủ về Luật Người khuyết tật. Phần lớn người khuyết tật và gia đình có người khuyết tật (chiếm 59-77.5%) không biết về các chính sách miễn giảm học phí, cấp học bổng, ưu tiên trong thi tuyển và hỗ trợ tài liệu, phương tiện giảng dạy.

- Cho đến thời điểm khảo sát, đa số người khuyết tật vẫn bị coi như đối tượng cần được bảo trợ và ít được tiếp cận tới các dịch vụ hỗ trợ khác. Để đảm bảo hiệu quả thực thi chính sách và cải thiện khả năng hòa nhập xã hội của người khuyết tật thì cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật, bản thân người khuyết tật cần được nâng cao nhận thức và kiến thức về các chính sách có liên quan đến người khuyết tật. Điều này góp phần nâng cao hiệu quả thực thi chính sách hỗ trợ người khuyết tật, từ đó góp phần nâng cao đời sống của người khuyết tật.

- Việt Nam đã triển khai chính sách giáo dục hòa nhập từ năm 2005. Tuy nhiên, dịch vụ giáo dục cho người khuyết tật được cung cấp tương đối hạn chế tại phần lớn các tỉnh tham gia khảo sát, đặc biệt là các dịch vụ phát hiện sớm và can thiệp sớm. Những thách thức cản trở việc cung cấp dịch vụ giáo dục hiệu quả cho trẻ khuyết tật bao gồm: thiếu nhân sự, thiếu cơ hội đào tạo, cơ sở hạ tầng không đảm bảo và thiếu trang thiết bị dạy học.

- Nguồn tài chính huy động để hỗ trợ công việc cho người khuyết tật là không đủ và thụ động: Các số liệu chính thức về các nguồn ngân sách và tài chính được phân bổ cho các dịch vụ giáo dục người khuyết tật hầu như không được thu thập từ các báo cáo của các tỉnh. Thông qua các cuộc phỏng vấn sâu với các nhà quản lý của các sở ban ngành và các nhà cung cấp dịch vụ cho thấy, ngân sách phân bổ cho hệ thống dịch vụ khuyết tật nói chung và giáo dục nói riêng chủ yếu đến từ ngân sách Nhà nước cấp theo kế hoạch ngân sách hàng năm của các địa phương. Ngoài ra, việc huy động từ các nguồn xã hội hóa giáo dục bên ngoài để hỗ trợ người khuyết tật cũng đã được thực hiện ở các địa phương. Tuy nhiên, ngân sách huy động từ cộng đồng và các tổ chức không ổn định, thiếu nguồn kinh phí thực hiện các chính sách, đầu tư phát triển nguồn nhân lực và mua sắm cơ sở vật chất là những thách thức lớn đối với các địa phương.

- Thiếu chiến lược cho sự phát triển các hệ thống dịch vụ giáo dục và nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục cho người khuyết tật: Các dữ liệu thu thập được từ các cuộc khảo sát cho thấy, hầu hết các bộ phận của ngành giáo dục và đào tạo không có kế hoạch chiến lược cho các dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật. Các Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo rằng, chỉ có 6% các tỉnh có kế hoạch 10 năm hoặc kế hoạch giáo dục hòa nhập cho 5 năm. Điều đáng nói là, 47% địa phương chưa có kế hoạch hàng năm cho giáo dục trẻ em khuyết tật.

- Cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng còn nghèo nàn: Kết quả khảo sát cho thấy, tiện nghi và trang thiết bị sử dụng cho giáo dục của người khuyết tật còn nghèo nàn; nhiều thiết bị không hoạt động. Các cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục hiện tại không đủ điều kiện cho việc cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật, giáo viên dạy học sinh khuyết tật còn thiếu các tài liệu hướng dẫn, các thiết bị trợ giúp cho người khuyết tật như xe lăn, máy trợ thính, các phần mềm hỗ trợ, chữ nổi, kính, gậy cho người mù... được cung cấp bởi bản thân người khuyết tật hoặc tổ chức từ thiện và thường không có sẵn cho học sinh trong các trường học. Khi được hỏi về điều kiện làm việc, 36,9% giáo viên cho biết thiếu tài liệu tham khảo, 33,9% giáo viên cho biết thiếu các văn bản kỹ thuật, 33,9% cho biết thiếu diện tích và cơ sở hạ tầng cho các hoạt động hỗ trợ, 31,5% cho biết thiếu thiết bị, 26,2% cho biết thiếu tiếp cận thông tin qua Internet. Một tỉ lệ rất thấp giáo viên cho rằng, các điều kiện để giảng dạy người khuyết tật là “đủ toàn diện” (1,8% đối với các tài liệu tham khảo và 12,5% của truy cập vào Internet). Chỉ có 6/13 cơ sở (46,2%) có đường dốc cho xe lăn và phòng vệ sinh, có thể truy cập, 7/15 cơ sở (46,7%) được trang bị với bảng đen và bàn chứa PWD, hơn một nửa (66,7%) cơ sở có sân chơi cho trẻ em. Đáng lưu ý là chỉ có 1 cơ sở có thiết kế hỗ trợ cho người mù (thanh điều hướng có gân).

- Nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu cả về số lượng và chất lượng: Các kết quả khảo sát 167 nhân viên hỗ trợ và giáo viên làm việc trong hệ thống dịch vụ giáo dục trong ba tỉnh cho thấy, tỉ lệ giáo viên được đào tạo về giáo dục đặc biệt chỉ có 28,7% và chỉ có 6,7% được đào tạo về phương pháp giảng dạy nói chung và cũng đã có bằng cử nhân giáo dục đặc biệt. Năng lực cán bộ làm công tác giáo dục người khuyết tật còn hạn chế. Kết quả khảo sát cho thấy, chỉ có 48% cán bộ giáo dục cảm thấy tự tin khi làm việc với người khuyết tật.

- Phối hợp liên ngành trong việc cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật còn hạn chế: Ngành Giáo dục thường phối hợp với các ngành xã hội trong việc cung cấp dịch vụ cho người khuyết tật. Qua khảo sát trên 75 trường/trung tâm giáo dục trẻ khuyết tật cho thấy, có 14% trường làm việc và phối hợp với các ngành xã hội để

đảm bảo trẻ khuyết tật được nhận trợ cấp, 11% trường chuyển trẻ em ở các độ tuổi lớn hơn để được dạy nghề. Sự phối hợp giữa ngành Y tế và Giáo dục trong việc phát hiện sớm và can thiệp sớm không được như mong đợi. Kết quả khảo sát của 75 cơ sở giáo dục cho thấy, có 3 hoạt động chính của sự phối hợp giữa y tế và giáo dục, đó là: 1/ Chẩn đoán và đánh giá của người khuyết tật (39,1%); 2/ Can thiệp sớm trong giáo dục (30,9%); 3/ Thực hành các kỹ năng đặc biệt (27,7%).

### 3. Kết luận và khuyến nghị

#### 3.1. Kết luận

Hai vấn đề cần xem xét liên quan đến chính sách trợ giúp người khuyết tật là chính sách đã phù hợp chưa, đặc biệt là có phù hợp với luật pháp quốc tế không và vấn đề thứ hai là thực thi chính sách. Luật Người khuyết tật Việt Nam được Quốc hội thông qua năm 2010 là một khung pháp lý tổng thể được xây dựng dựa trên các nguyên tắc của Công ước quốc tế về Quyền của Người khuyết tật. Việt Nam cũng đã phê chuẩn Công ước này. Do vậy, các chính sách và luật pháp về người khuyết tật sẽ được đánh giá và điều chỉnh đảm bảo tính phù hợp của luật pháp Việt Nam về Người khuyết tật với Công ước quốc tế về Quyền của Người khuyết tật.

Khó khăn chính của chính sách đó là việc thực thi. Nhìn chung, các chính sách không được thực hiện như mong đợi. Một trong những nguyên nhân chính là vì còn có sự không nhất quán và chồng chéo ở các văn bản hướng dẫn thực hiện (Nghị định, Thông tư và các quy định ngành). Các văn bản hướng dẫn thực hiện là do các Bộ xây dựng và không có sự tham vấn trong quá trình dự thảo. Nhiều chính sách được xây dựng chưa dựa trên các bằng chứng đầy đủ và cũng thiếu điều tra cơ bản để cung cấp luận cứ khi xây dựng chính sách. Việc thực hiện và hiệu quả của các chính sách thường không được giám sát và đánh giá thường xuyên. Nâng cao nhận thức và phổ biến các hoạt động chính sách không có sự quan tâm đúng mức. Cả hai đối tượng thụ hưởng và nhân viên thực hiện ở cấp địa phương có ít tiếng nói trong quá trình xây dựng chính sách. Những thách thức khác bao gồm năng lực của hệ thống dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật và phối hợp đa ngành còn hạn chế. Điều này đã tạo nên các khó khăn trong việc thực hiện Luật Người khuyết tật tại địa phương.

Dịch vụ hỗ trợ giáo dục cho người khuyết tật ở Việt Nam đang khá phát triển về số lượng song chất lượng

còn hạn chế: nguồn nhân lực còn hạn chế; dịch vụ cung cấp không đầy đủ và không đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người khuyết tật; thiết bị và cơ sở hạ tầng không được trang bị tốt; sự phối hợp giữa các cơ quan vẫn còn nghèo nàn và có khoảng cách lớn về chất lượng dịch vụ cung cấp ở các mức độ khác nhau. Các dịch vụ được phát triển tốt hơn ở trung ương và ở tỉnh so với ở địa phương và cộng đồng.

#### 3.2. Khuyến nghị

*Thứ nhất*, ngành Giáo dục cần xây dựng kế hoạch và thực hiện nâng cao nhận thức, phổ biến và hướng dẫn chính sách hỗ trợ về giáo dục người khuyết tật cho tất cả cán bộ, giáo viên, người khuyết tật và cộng đồng.

*Thứ hai*, ngành Giáo dục cần phải phát triển một chiến lược để củng cố và phát triển hệ thống hỗ trợ giáo dục của ngành. Những chiến lược này nên tập trung vào việc cung cấp dịch vụ toàn diện, đa dạng để đáp ứng nhu cầu hỗ trợ của người khuyết tật, phát triển dịch vụ và nâng cao chất lượng dịch vụ tại cộng đồng, đặc biệt tập trung vào việc phát hiện sớm và can thiệp sớm khuyết tật; chuyển dịch cơ cấu và phát triển hệ thống giáo dục, phát triển nguồn nhân lực ở các cấp địa phương và cộng đồng; đầu tư cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng cho các cơ sở cung cấp dịch vụ.

*Thứ ba*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cần làm việc chặt chẽ với nhau và hợp tác với các tổ chức để tiếp tục phát triển và thí điểm xây dựng mô hình dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật mới dựa trên các bài học kinh nghiệm từ các mô hình hiện có, tập trung vào hợp tác đa ngành giữa các ngành khác nhau và giữa các cấp khác nhau trong một khu vực. Ngoài ra, mỗi ngành cần thành lập một cơ quan phụ trách tiến hành nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao để hỗ trợ người khuyết tật, đặc biệt là hỗ trợ phục hồi chức năng và giáo dục cho người khuyết tật.

*Thứ tư*, Chính phủ và các bên liên quan cần phát triển một hệ thống giám sát, đánh giá để theo dõi việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người khuyết tật nói chung và giáo dục cho người khuyết tật nói riêng. Người khuyết tật, các tổ chức của người khuyết tật và cho người khuyết tật cần phải được tham gia vào việc giám sát, đánh giá các chính sách và các chương trình hỗ trợ người khuyết tật.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Hội nghị Thế giới về giáo dục trẻ em có nhu cầu đặc biệt: khả năng tiếp cận và chất lượng. (1994), *Tuyên bố Salamanca và Chương trình hành động về giáo dục theo nhu cầu đặc biệt*, Salamanca, Tây Ban Nha, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] UNESCO, (2009), *Policy Guidelines on Inclusive Education*, Paris: UNESCO.
- [3] Ainscow, Booth & Dyson (2006), *Developing inclusive education systems: how can we move policies*,

- forward?http://www.ibe.unesco.org/fileadmin/user\_upload/COPs/News\_documents/2009/0907Beirut/DevelopingInclusive\_Education\_Systems.pdf.*
- [4] Kavale & Forness, (2000), *Identifying Specific Learning Disability: Is Responsiveness to Intervention the Answer?*, [http://danlane.wiki.westga.edu/file/view/Kavale+\(Identifying+SLD+Is+res...\).pdf](http://danlane.wiki.westga.edu/file/view/Kavale+(Identifying+SLD+Is+res...).pdf).
- [5] Allan, J. & Slee, R, (2008), *Doing inclusive education research*. Rotterdam: Sense Publishers.
- [6] Alan Dyson (1999), *Developing inclusive schools: three perspectives from England*, [http://www.dds.uni-hannover.de/fileadmin/schulentwicklungsforschung/DDS\\_PDF-Dateien/DDS-Dyson\\_Inclusion\\_English.pdf](http://www.dds.uni-hannover.de/fileadmin/schulentwicklungsforschung/DDS_PDF-Dateien/DDS-Dyson_Inclusion_English.pdf).
- [7] *Công ước quốc tế về Quyền trẻ em*, (1992), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [8] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2007), *Quản lý giáo dục hòa nhập*, NXB Phụ nữ.
- [9] Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, UNICEF, (2009), *Xây dựng môi trường bảo vệ trẻ em Việt Nam: Đánh giá pháp luật và chính sách bảo vệ trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt ở Việt Nam*, NXB Văn hóa - Thông tin.
- [10] Vũ Ngọc Bình, (2001), *Quyền Con người và người tàn tật*, NXB Lao động - Xã hội.
- [11] Hội trợ giúp Người khuyết tật Việt Nam (VNAH) với sự hợp tác của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2015), *Báo cáo quốc gia khảo sát hệ thống dịch vụ trợ giúp người khuyết tật Việt Nam*.

## INCLUSIVE EDUCATION POLICY IN VIETNAM

Pham Le Cuong<sup>1</sup>, Nguyen Van Hung\*<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Email: lecuong@vinhuni.edu.vn  
Vinh University  
182 Le Duan street, Vinh city,  
Nghe An province, Vietnam

\* Corresponding author

<sup>2</sup> Email: hungnv@vnies.edu.vn  
The Vietnam National Institute of Educational Sciences  
101 Tran Hung Dao street, Hoan Kiem district,  
Hanoi, Vietnam

**ABSTRACT:** *Inclusive education has been integrated into the Sustainable Development Goals at the United Nations Sustainable Development Summit, highlighting the right of people with disabilities to access equal, quality education and lifelong learning opportunities. In Vietnam, although the concept of education for all is relatively new, it is recognized as an inevitable developmental trajectory. The legislative system of Vietnam has been established based on general international principles adapted to the specific conditions of the country. This article analyzes the impact and gaps between inclusive education policies and practices, providing recommendations for all levels and relevant departments to create a policy environment that fosters effective educational implementation.*

**KEYWORDS:** Education for all, Inclusive education, Inclusive Education Policy.